

# HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY TỪ LY HỢP TIẾNG TRUNG QUỐC BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÌNH HUỐNG CHO SINH VIÊN

Biện Công Trường Giang  
Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp. Hồ Chí Minh  
Email: giangbct@hufit.edu.vn

**Tóm tắt:** Mục tiêu của bài nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng phương pháp dạy học tình huống vào giảng dạy từ ly hợp tiếng Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung. Thực nghiệm được thực hiện với hai nhóm sinh viên: nhóm thực nghiệm (dạy học theo phương pháp tình huống) và nhóm đối chứng (dạy học theo phương pháp truyền thống). Kết quả phân tích cho thấy sinh viên trong nhóm thực nghiệm có sự tiến bộ rõ rệt về khả năng nhận diện, sử dụng và vận dụng từ ly hợp trong ngữ cảnh. Nghiên cứu khẳng định tính khả thi và hiệu quả của phương pháp dạy học tình huống trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Trung Quốc nói chung và giảng dạy từ ly hợp nói riêng.

**Từ khóa:** Từ ly hợp tiếng Trung Quốc, phương pháp dạy học tình huống, hiệu quả giảng dạy.

## THE EFFECTIVENESS OF TEACHING CHINESE SEPARABLE WORDS TO STUDENTS THROUGH THE SITUATIONAL TEACHING METHOD

**Abstract:** This study aims to evaluate the effectiveness of applying the situational teaching method to the instruction of Chinese separable words for students majoring in Chinese. The experiment was conducted with two groups of students: an experimental group, taught through the situational teaching method, and a control group, taught through the traditional method. The analysis results show that students in the experimental group made significant progress in their ability to recognize, use, and apply separable words in context. The study confirms the feasibility and effectiveness of the situational teaching method in teaching Chinese grammar in general and Chinese separable words in particular.

**Keywords:** Chinese separable words, situational teaching method, teaching effectiveness.

Nhận bài: 24/03/2026

Phản biện: 21/04/2026

Duyệt đăng: 25/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### Giới thiệu vấn đề

“离合词” (separable words / separable verbs) là một hiện tượng trong tiếng Trung hiện đại, chỉ những từ động từ-bổ ngữ (hoặc động từ + danh ngữ) mà trong một số ngữ cảnh có thể tách (“离”) thành hai phần và giữa hai phần đó có thể chèn các thành phần khác, hoặc biến đổi vị trí, còn trong ngữ cảnh khác lại gộp (“合”) lại như một từ đơn liên mạch.

Tức là, tính “ly-hợp” thể hiện khả năng tách ra – hợp lại, tùy vào cấu trúc câu (có các thành phần chèn vào, bổ ngữ, trợ từ, số lượng từ, v.v.).

Vì thế, đã khiến không ít sinh viên gặp khó khăn khi sử dụng từ ly hợp, không biết khi nào có thành phần chen giữa, hoặc khi nào tách ra.

Phương pháp giảng dạy truyền thống thường đặt trọng tâm vào việc liệt kê và giải thích các quy tắc ngữ pháp, thiếu sự hỗ trợ từ ngữ cảnh cụ thể. Mặc dù cách làm này thuận tiện cho học sinh ghi nhớ các quy tắc, nhưng lại khó giúp họ linh hoạt vận dụng các động từ ly hợp trong giao tiếp thực tế. Do đó, việc khám phá một phương pháp dạy từ ly hợp hiệu quả hơn trở thành nhu cầu cấp bách trong thực tiễn giảng dạy hiện nay. Bài viết này đề xuất, phân tích tính hiệu quả và giá trị ứng dụng thực tế của phương pháp dạy học theo ngữ cảnh trong việc giảng dạy từ ly hợp tiếng Trung Quốc.

**Mục đích nghiên cứu:** Đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học tình huống trong việc giảng dạy từ ly hợp tiếng Trung Quốc cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1 Đặc điểm của từ ly hợp tiếng Trung Quốc

Hình thức thường gặp của từ ly hợp là được tạo thành từ một động từ và một tân ngữ.

Tính linh hoạt: Hai thành phần này có thể tách rời, và giữa chúng có thể chèn trợ từ thời (như “了、过、着”), bổ ngữ (như “得、不”) hoặc các thành phần khác.

Hạn chế khi sử dụng: Từ ly hợp không thể trực tiếp đi kèm tân ngữ. Ví dụ, không thể nói “见面朋友”, mà phải nói “和朋友见面”.

#### 2.2 Phương pháp dạy học tình huống

Phương pháp dạy học ngữ cảnh là cách dạy đặt ngôn ngữ vào các ngữ cảnh thật sự để giảng dạy (Contextual Teaching and Learning – CTL). Học sinh không còn học từ vựng và ngữ pháp một cách tách rời, mà được tiếp xúc và hiểu chúng trong các tình huống giao tiếp cụ thể, từ đó nắm bắt cách sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên.

Ưu điểm:

Nâng cao khả năng hiểu và sử dụng ngôn ngữ của học sinh.

Kích thích hứng thú học tập và tính chủ động của học sinh.

Rèn luyện năng lực giao tiếp tổng hợp cho học sinh.

**2.3. Thiết kế và phương pháp nghiên cứu**

**Đối tượng nghiên cứu**

2 lớp sinh viên năm 2 trình độ HSK 3 chuyên ngành tiếng Trung (mỗi lớp 40 bạn) tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh.

Tác giả chia 2 lớp theo 2 hình thức giảng dạy khác nhau, lớp thực nghiệm dạy theo phương pháp dạy học tình huống, lớp đối chứng dạy theo

phương pháp truyền thống.

**Công cụ thu thập dữ liệu**

Pre-test (kiểm tra đầu vào) và Post-test (kiểm tra chất lượng đầu ra sau khi can thiệp), nội dung kiểm tra gồm trắc nghiệm 20 câu nhận diện từ ly hợp, viết đoạn văn 100 chữ, role-play nói 2 phút

Khảo sát thái độ người học (Thang đo Likert 5 mức, khảo sát trước và sau khi can thiệp)

Quan sát lớp & Ghi âm bài nói Phỏng vấn mở/ Phản hồi mở

**Dữ liệu đầu vào/Pre-test**

**Bảng 1**

*Đo dữ liệu đầu vào*

Biến	Lớp thực nghiệm Pre-test	Lớp đối chứng Pre-test
Độ chính xác trắc nghiệm (%)	~ 49,8%	~89.8wpm
Độ lưu loát (Từ/phút)	~ 50.2%	~ 90.5 wpm
Thái độ (Likert 1-5)	~3.0	~3.0

Bản số liệu Pre-test cung cấp sự so sánh giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng trên ba biến: độ chính xác trắc nghiệm, độ lưu loát (từ/phút), và thái độ (theo thang Likert 1-5). Dưới đây là những quan sát chính:

- Độ chính xác trắc nghiệm (%)
  - + Lớp thực nghiệm đạt khoảng 49,8 %
  - + Lớp đối chứng đạt khoảng 50,2 %

Hai lớp có hiệu suất về độ chính xác rất gần nhau ngay từ đầu, với sự chênh lệch rất nhỏ (chưa đến 1 điểm phần trăm). Điều này cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về trình độ kiến thức cơ bản trước khi thực nghiệm (tiền kiểm) giữa hai nhóm.

- Độ lưu loát (words per minute — từ/phút)

+ Lớp thực nghiệm: ~ 89,8 wpm

+ Lớp đối chứng: ~ 90,5 wpm

Hai nhóm cũng có tốc độ xử lý và trả lời khá tương đương, với lớp đối chứng nhanh hơn đôi chút nhưng không lớn. Sự chênh lệch này có thể là do ngẫu nhiên hoặc do các yếu tố cá nhân, chứ không phải yếu tố cấu trúc dạy học (vì lúc này là tiền kiểm).

- Thái độ (theo thang Likert 1-5)
  - + Cả hai lớp đều ghi điểm ~ 3,0

Thái độ học tập ban đầu của học viên hai lớp là tương đồng, ở mức trung bình — không có lớp nào cho thấy sự vượt trội về động lực hay sự hứng thú rõ rệt trước khi can thiệp phương pháp dạy học mới.

**So sánh hoạt động dạy học trong 6 tuần**

**Bảng 2**

*So sánh hoạt động dạy học trong 6 tuần của 2 lớp*

Tuần	Lớp thực nghiệm ( tình huống )	Lớp đối chứng ( truyền thống )
1	Giới thiệu qua tình huống thực tế, sv đoán/ nhận diện qua ngữ cảnh, thảo luận nhóm nhỏ	Giải thích từ ly hợp, cho mẫu câu, đặt câu, sv nghe và ghi nhớ
2	Thực hành qua hoạt động role play/cặp/nhóm theo tình huống giao tiếp có từ ly hợp, sửa lỗi ngay trong lớp	Bài tập trắc nghiệm, viết câu mẫu, chủ yếu cá nhân
3	Viết + nói theo tình huống mô phỏng, học sinh thực hành nói role play, đối thoại sử dụng từ ly hợp ( gv cho tình huống cụ thể )	Viết đoạn văn, chủ yếu áp dụng lý thuyết, ít nói, ít phản xạ
4	Tình huống phức hợp hơn, giao tiếp mở, học sinh tự thiết lập tình huống nhỏ	Ôn tập, làm bài tập về nhà
5	Dự án nhỏ: đóng vai, sử dụng từ ly hợp trong kịch bản đối thoại	GV trình bày mẫu, SV trình bày theo, ít hoạt động nhóm, tập trung viết và làm bài tập trong sách
6	Tổng kết + kiểm tra cuối (trắc nghiệm + viết + nói roleplay) tương đương + phản hồi chi tiết về lỗi + khảo sát thái độ + học sinh thảo luận cảm nhận phương pháp	Tổng kết + kiểm tra cuối bài (trắc nghiệm + viết + nói) + ôn tập lý thuyết

## 2.4. Kết quả nghiên cứu

**Bảng 3**

*Kết quả đối chiếu trước và sau thực nghiệm*

Biến đo lường	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm
Độ chính xác trắc nghiệm (%)	Pre-test: 50.2 ± 12.1 Post-test: 60.5 ± 11.8 Gain: +10.3	Pre-test: 49.8 ± 11.9 Post-test: 75.4 ± 12.0 Gain: +25.6
Độ lưu loát (Từ/phút)	Pre-test: 90.5 ± 14.9 wpm Post-test: 105.2 ± 13.8 wpm Gain: +14.7 wpm	Pretest: 89.8 ± 15.2 wpm Posttest: 120.7 ± 14.2 wpm Gain: +30.9 wpm
Thái độ (Likert 1-5)	Pre-survey: 3.0 ± 0.6 Post-survey: 3.4 ± 0.5 Gain: +0.4 điểm	Pre-survey: 3.0 ± 0.5 Post-survey: 4.2 ± 0.4 Gain: +1.2 điểm

Khi so sánh giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm qua hai lần đo (Pre-test và Post-test), ta nhận thấy:

+ Về độ chính xác trong bài kiểm tra trắc nghiệm, lớp đối chứng trước khi can thiệp đạt trung bình khoảng 50,2 % (độ lệch chuẩn ± 12,1), sau can thiệp tăng lên 60,5 % (± 11,8), tức mức tăng là +10,3 điểm phần trăm. Trong khi đó, lớp thực nghiệm bắt đầu từ 49,8 % (± 11,9) và sau can thiệp vọt lên tới 75,4 % (± 12,0), tức tăng +25,6 điểm phần trăm.

+ Về độ lưu loát (từ / phút), lớp đối chứng bắt đầu ở mức 90,5 wpm (± 14,9) và sau can thiệp lên 105,2 wpm (± 13,8), nghĩa là tăng +14,7 wpm. Còn lớp thực nghiệm từ 89,8 wpm (± 15,2) tăng lên 120,7 wpm (± 14,2), tức +30,9 wpm.

+ Về thái độ học tập (theo thang Likert 1-5), lớp đối chứng có điểm khảo sát ban đầu 3,0 (± 0,6), sau can thiệp là 3,4 (± 0,5), mức tăng là +0,4 điểm. Còn lớp thực nghiệm ban đầu cũng 3,0 (± 0,5), sau can thiệp lên 4,2 (± 0,4), tức tăng +1,2 điểm.

### III. KẾT LUẬN

Phương pháp dạy học tình huống có hiệu quả rõ rệt đối với việc lĩnh hội và vận dụng động từ ly hợp: lớp thực nghiệm cho mức tăng (gain) lớn hơn đáng kể so với lớp đối chứng ở ba biến đo (độ chính xác,

tốc độ từ/phút, thái độ). Điều này phù hợp với bằng chứng rộng hơn rằng CTL/“situational teaching” cải thiện thành tích và kỹ năng giao tiếp khi ngôn ngữ được đặt trong bối cảnh có ý nghĩa.

Tính “khó” của động từ ly hợp (mỗi giao thoa từ vựng–cú pháp, kiểu tách/chèn phức tạp, dễ bị nhiễu bởi chuyển di L1) đòi hỏi cách dạy giàu ngữ cảnh, nhiều thực hành và chú ý–nhận biết có hướng dẫn; đây cũng là lý do tại sao tiếp cận tình huống tạo lợi thế: người học được thấy và dùng mô hình tách–hợp ngay trong lời nói/viết thật.

Dạy trong tình huống với chu trình “đầu vào–đầu ra” (input–output) giúp củng cố quy tắc và chuyển hóa thành năng lực sử dụng: tăng chính xác, tăng lưu loát và cải thiện thái độ/hứng thú học tập.

Giáo viên nên thiết kế tình huống giao tiếp có mục tiêu ngữ pháp cụ thể, chiến lược “Noticing” + phản hồi có trọng tâm, chu trình Input–Output gia tốc. Thiết kế tình huống nên bao gồm nhiều hoạt động giao tiếp nói/viết, vì lớp học thường thiếu đầu vào khẩu ngữ và dễ bị chuyển di L1, hãy bổ sung mini-podcast/đoạn thoại mẫu, shadowing theo tình huống, và bài tập dịch ngược có hướng dẫn. Giáo viên nên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ để tăng sự tương tác giữa các thành viên, từ đó cũng làm tăng sự phản xạ hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chang, Y (2006). *Xiandai Hanyu dongbinshi liheci yanjiu* [Nghiên cứu từ ly hợp có hình thức động tân trong Hán ngữ hiện đại]. Shanghai Fudan Daxue.
- Mai, T. H (2018). *Nghiên cứu quá trình thụ đắc từ ly hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam*. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Luu Hón Vũ (2022). *Đặc điểm sử dụng từ ly hợp Trung Quốc có cấu trúc “động + tân” của sinh viên Việt Nam*. Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Wu, S (2007). *Yuenan xuesheng Hanyu dongbinshi liheci xide yanjiu yu jiaoxue duice* [Nghiên cứu việc học từ ly hợp có hình thức động tân của học sinh Việt Nam và phương pháp dạy học]. Zhongguo Beijing Yuyan Daxue.
- Phạm Ngọc Hàm (2017). *Ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong học ngoại ngữ*, tạp chí lý luận ngôn ngữ.